TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 16-08-2018.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Mai Thị Nhặc.
Ông Phạm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị G - Sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn P - Sinh năm: 1968, địa chỉ: ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2018, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Lê Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn P tự nguyện kết hôn vào năm 2001 có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27 tháng 9 năm 2002. Sau khi kết hôn, chị và anh P chung sống hạnh phúc được khoảng mười năm thì phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên giữa anh chị thường hay tranh cãi, anh P thường xuyên uống rượu, sau khi đã có uống rượu thì lại tìm cớ đánh chị. Giữa chị và anh P mạnh ai nấy sống mà không có sự quan tâm chăm sóc gì nhau. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn,

không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị G yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn P, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Về nuôi con chung: Chị và anh P có một người con chung là Bùi Thị Mỹ H - Sinh ngày 10/8/2002, hiện đang sống chung nhà với chị. Chị Lê Thị G yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Bùi Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị G trình bày là không có.

Bị đơn là anh Bùi Văn P vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là chị Lê Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn P, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, yêu cầu được nuôi người con chung là Bùi Thị Mỹ H, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản chung và xác định chị và anh P không có nợ chung.

Bị đơn là anh Bùi Văn P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị G: Chị Lê Thị G được ly hôn với anh Bùi Văn P, giao cho chị G được quyền nuôi người con chung giữa chị với anh P là Bùi Thị Mỹ H, ghi nhận chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị G, anh P không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết mâu thuẫn và chị G có đơn khởi kiện đối với anh P có cùng có địa chỉ nơi cư trú tại ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Bùi Văn P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và đã vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh Bùi Văn P là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn giữa chị Lê Thị G với anh Bùi Văn P vào ngày 27/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị G cho rằng cuộc hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh P. Trên cơ sở lời trình bày của chị G, kết quả xác minh về nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị G với anh P xác định được giữa chị G và anh P có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, chị G có nhờ chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải nhưng anh P không có thay đổi. Bản thân anh P không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án để gặp gỡ, trao đổi với chị G nhằm mục đích khắc phục những mâu thuẫn để xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Trong khi đó, chị G cho rằng mặc dù còn sống chung nhà (do nhà là của chị) nhưng giữa chị và anh P không ai quan tâm đến ai, mạnh ai làm nấy sống, chị đã không còn tình cảm với anh P và anh P cũng không có trách nhiệm gì với chị và con nên chị kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh P. Từ những cơ sở trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị G về việc xin ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung:

[4.1] Chị G yêu cầu được nuôi con người con chung giữa chị với anh anh P là Bùi Thị Mỹ H - Sinh ngày 10/8/2002, hiện sống chung với chị. Xét thấy, người con chung giữa chị G và anh P đã trên bảy tuổi nhưng chưa đủ mười tám tuổi, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì việc giao con cho ai nuôi phải có sự xem xét đến nguyện vọng của người con, và tại biên bản về việc hỏi ý kiến của người con từ đủ bảy tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân và gia đình lập ngày 29/5/2018 thì người con này (Bùi Thị Mỹ H) có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là chị Lê Thị G. Trong khi đó, anh Bùi Văn P vắng mặt trong các lần hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào có yêu cầu về việc nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị G về việc nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Chị G không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Anh Bùi Văn P vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; chị Lê Thị G không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi

ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị G là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị G:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị G được ly hôn với anh Bùi Văn P.

2/ Về nuôi con chung:

2.1) Chị Lê Thị G được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Bùi Văn P là: Bùi Thị Mỹ H - Sinh ngày 10 tháng 8 năm 2002 (người con này hiện đang sống chung với chị G).

2.2) Anh Bùi Văn P có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Bùi Văn P lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Lê Thị G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Bùi Văn P.

2.3) Vì lợi ích của con chung, chị Lê Thị G, anh Bùi Văn P, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Anh Bùi Văn P vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; chị Lê Thị G không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0016494 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre, chị Lê Thị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Chị Lê Thị G có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Bùi Văn P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện M, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên